TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 133/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 06 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung,* giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H** - Sinh ngày: 10/9/1986;

CCCD số 038186043930;

Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H1** - Sinh ngày: 06/06/1986;

CCCD số 038086006256;

Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Như N, sinh ngày 09/12/2016. Hiện cả hai cháu đều đang ở với chị và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ.

Hai bên thỏa thuận: Cháu T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi cháu T. Khi ly hôn, chị H trực tiếp nuôi cháu N, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh H1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản và công nợ:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 thống nhất: Chị H chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị H phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001771 ngày 11/3/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Thanh Hóa. Chị H được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng THADS khu vực 9;
- UBND phường Trúc Lâm;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Đình Huy